

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ THUẬN AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BC-UBND

Thuận An, ngày tháng năm 2025

BÁO CÁO
Công tác bảo vệ môi trường năm 2025.

Kính gửi: Thường trực HĐND xã Thuận An.

Thực hiện Thông báo số 09/TB-HĐND ngày 21/10/2025 của Hội đồng nhân dân xã Thuận An về kết luận của Thường trực HĐND xã tại Hội nghị Thường trực HĐND xã tháng 10 và Hội nghị liên tịch dự kiến chuẩn bị tổ chức kỳ họp thường lệ cuối năm 2025. UBND xã Thuận An báo cáo Hội đồng nhân dân xã kết quả công tác bảo vệ môi trường năm 2025 trên địa bàn như sau:

I. BỐI CẢNH CHUNG KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ CÁC TÁC ĐỘNG CHÍNH ĐẾN MÔI TRƯỜNG

1. Thông tin chung về kinh tế - xã hội của địa phương

1.1. Giới thiệu chung

Xã Thuận An nằm ở phía Tây Bắc tỉnh Lâm Đồng, là xã biên giới, có đường biên giới dài 60,125 km; phía Đông giáp xã Đức Lập, Đắk Mil, phía Tây giáp với xã Busara, huyện Perchanda, tỉnh Mondulkiri, Vương quốc Campuchia, phía Nam giáp với xã Thuận Hạnh, phía Bắc giáp với xã Đắk Wil.

Diện tích tự nhiên toàn xã 31.580,57 ha. Trong đó đất nông nghiệp 29.884,8 ha; đất phi nông nghiệp 1.685,11 ha; đất chưa sử dụng 10,65 ha; có 20.133,36 ha rừng, trong đó rừng tự nhiên là 19.965,39 ha, rừng trồng 173,61ha, rừng phòng hộ 2.425,16 ha. Xã có 18 thôn và 02 bon; hệ thống giao thông kết nối tương đối đồng bộ, có tuyến đường Quốc lộ 14 và 14C đi qua, tạo điều kiện thuận lợi cho lưu thông và phát triển kinh tế - xã hội.

Xã Thuận An có địa hình đặc trưng của khu vực Tây Nguyên, với sự đa dạng bao gồm cao nguyên, đồi núi thấp và thung lũng. Cao nguyên đất đỏ bazan chiếm phần lớn diện tích, có độ cao trung bình từ 500-750m so với mực nước biển. Đây là loại đất rất màu mỡ, phù hợp với việc trồng các loại cây công nghiệp dài ngày như cà phê, tiêu và cao su. Địa hình dốc thoải giúp thoát nước tự nhiên tốt, hạn chế ngập úng vào mùa mưa, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho việc canh tác nông nghiệp.

1.2. Điều kiện kinh tế - xã hội

- Nền kinh tế của xã phát triển khá toàn diện trên các lĩnh vực, tốc độ tăng tổng giá trị sản phẩm đạt 6,45%/năm, trong đó nông lâm nghiệp tăng 7,57%, tiểu thủ

công nghiệp, xây dựng tăng 3,75%, thương mại và dịch vụ tăng 5,52%. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực, đúng định hướng; công nghiệp - xây dựng có mức tăng trưởng khá; nông, lâm nghiệp phát triển theo hướng bền vững, nâng cao giá trị; thu thuế phí và lệ phí vượt so với nghị quyết đề ra.

- Về thương mại, dịch vụ: Hoạt động thương mại, dịch vụ trên địa bàn phát triển khá toàn diện. Cung cầu hàng hóa ổn định, công tác quản lý thị trường, bình ổn giá cả, chống buôn lậu, hàng giả, hàng kém chất lượng được tăng cường. Các ngành dịch vụ có bước phát triển khá toàn diện, đồng đều trên các lĩnh vực. Dịch vụ viễn thông phát triển khá nhanh, toàn xã có 97% hộ dân sử dụng điện thoại thông minh và thuê bao internet.

- Về nông, lâm nghiệp và phát triển nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số: Ngành nông nghiệp tiếp tục giữ vai trò quan trọng trong ổn định kinh tế và nâng cao đời sống nhân dân. Từng bước hình thành các vùng cây cà phê, cây ăn quả như: Sầu riêng và các loại cây ăn quả khác. Chăn nuôi phát triển theo hướng tập trung, trang trại, gia trại, có liên kết chặt chẽ đầu ra với các Công ty hoạt động trong lĩnh vực chăn nuôi. Đến nay, xã có 3 trang trại chăn nuôi, (02 trang trại nuôi gà, 01 trang trại chăn nuôi vịt); tổng đàn gia súc, gia cầm trên địa bàn xã khoảng 75.910 con.

- Kết quả phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp: Công nghiệp phát triển ổn định¹; việc ứng dụng công nghệ mới vào sản xuất ngày càng được quan tâm và có xu hướng phát triển; xây dựng hạ tầng và thu hút đầu tư vào lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp²; năng lượng tái tạo đạt được nhiều kết quả tích cực³, góp phần phát triển sản xuất, giải quyết việc làm cho lao động địa phương, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động trên địa bàn.

2. Các tác động chính đến môi trường

- Các nguồn gây ô nhiễm ở khu dân cư, nông thôn tập trung chủ yếu từ hoạt động giao thông, xây dựng dân dụng, nước thải và chất thải rắn sinh hoạt. Tác động đến môi trường từ các hoạt động này nằm trong giới hạn đồng hóa của môi trường, chất thải sinh hoạt được thu gom đến bãi rác hoặc đốt, chưa phát hiện ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

- Việc phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm theo hướng kinh tế trang trại phát sinh lượng chất thải, nước thải, mùi hôi gây tác động đến môi trường nếu không được kiểm soát chặt chẽ.

¹ Trên địa bàn xã có 01 Cụm Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp Thuận An hiện có 17 nhà đầu tư thuê đất với diện tích là 16,68 ha, đạt tỷ lệ lấp đầy khoảng 96% diện tích đất giai đoạn 1

² Đến nay, toàn xã có 56 cơ sở sản xuất, kinh doanh, số cơ sở tăng chủ yếu là cơ sở gia công chế biến đá Bazan, sản xuất gạch không nung, mộc dân dụng, cơ khí, sửa chữa các loại máy móc, thiết bị, chế biến nông sản

³ Người dân và doanh nghiệp đã đầu tư xây dựng và đưa vào sử dụng 32 công trình điện mặt trời áp mái, với tổng kinh phí trên 600 tỷ đồng.

- Hoạt động chế biến nông sản đã phát sinh nhiều chế phẩm nông nghiệp, nước thải, bụi, khí thải, nếu không có phương án xử lý phù hợp sẽ gây ô nhiễm môi trường đất, nước và không khí, ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống nhân dân.

- Nguồn ô nhiễm từ Cụm công nghiệp chủ yếu là nước thải, chất thải rắn, bụi, tiếng ồn phát sinh trong quá trình sản xuất của các doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp chế biến đá. Hiện tại Cụm công nghiệp chưa được đầu tư xây dựng hệ thống cung cấp nước, hệ thống xử lý nước thải tập trung, hệ thống xử lý chất thải rắn, nên chủ doanh nghiệp phải tự đầu tư xây dựng hệ thống xử lý và hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý.

- Cùng với quá trình phát triển kinh tế - xã hội, lượng chất thải rắn sinh hoạt ngày càng tăng, lượng phát sinh trên 20 tấn/ngày đêm, ý thức bảo vệ môi trường của một số người dân chưa cao, việc đổ rác bừa bãi làm phát sinh nhiều bãi rác tự phát, đổ không đúng nơi quy định gây ô nhiễm môi trường, mất mỹ quan đô thị.

II. BÁO CÁO CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Hiện trạng, diễn biến chất lượng môi trường

- Các nguồn gây ô nhiễm ở chủ yếu từ hoạt động giao thông, xây dựng dân dụng, nước thải và chất thải rắn sinh hoạt. Tác động đến môi trường từ các hoạt động trên còn nằm trong giới hạn đồng hóa của môi trường, nước thải sinh hoạt hầu hết được xử lý bằng bể tự hoại, chất thải sinh hoạt được thu gom đến bãi rác hoặc đốt, chưa phát hiện ô nhiễm nghiêm trọng.

- Trên địa bàn xã có 01 Cụm công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp, hiện có khoảng 17 nhà đầu tư thuê đất với tổng diện tích 24,9 ha, tỷ lệ lấp đầy đạt 96%. Nguồn ô nhiễm từ Cụm công nghiệp này chủ yếu là chất thải rắn sinh hoạt được đơn vị vệ sinh trên địa bàn xã thu gom, chất thải rắn công nghiệp phát sinh trong quá trình sản xuất chủ yếu là từ các nhà máy chế biến đá gồm đá bìa, đá thải, bùn thải được doanh nghiệp hợp đồng chở về các mỏ đá trên địa bàn để hoàn thổ hoặc đơn vị có nhu cầu sử dụng làm nguyên liệu sản xuất; nước thải sinh hoạt và nước thải trong quá trình sản xuất được xử lý bằng bể tự hoại và hệ thống xử lý nước thải do các doanh nghiệp tự đầu tư xây dựng, hiện Cụm công nghiệp chưa được đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Trên địa bàn xã có 02 mỏ đá được cấp giấy phép đang còn hiệu lực và đang hoạt động khai thác khoáng sản gồm có: Công ty TNHH Xây dựng Thành Công tại mỏ đá bazan thôn Đắc Quang; Công ty TNHH Xây dựng Nam Thắng Đắc Nông tại mỏ đá bazan thôn Đắc Kim. Nguồn ô nhiễm chủ yếu là bụi, tiếng ồn trong quá trình khai thác và vận chuyển, do vị trí khai thác ở xa khu dân cư nên tác động xấu đến môi trường chưa đến mức nghiêm trọng. Các doanh nghiệp thực hiện tốt các quy định về bảo vệ môi trường trong quá trình khai thác.

- Tác động môi trường từ các hoạt động thương mại và dịch vụ trên địa bàn xã không đáng kể, chủ yếu là khói, bụi từ hoạt động vận chuyển, rác thải và chất thải rắn được thu gom đến bãi rác của xã.

- Tổng số trang trại chăn nuôi tập trung trên địa bàn là 08 trang trại với quy mô vừa và nhỏ chủ yếu chăn nuôi gia cầm, gia súc, nên tác động môi trường trong hoạt động chăn nuôi là chưa lớn.

- Tác động của hoạt động sản xuất, chế biến nông nghiệp chủ yếu từ các lò sấy cà phê, trên địa bàn xã có khoảng 129 lò sấy, trong đó chỉ có 12 lò sấy hoạt động kinh doanh, còn lại là lò sấy hộ gia đình phục vụ nhu cầu sản xuất trong gia đình nên hoạt động không thường xuyên. Biện pháp bảo vệ môi trường của các cơ sở chủ yếu xây tường bao quanh khu vực sấy, xay xát cà phê hoặc thùng tôn. Về ống khói được lắp đặt bằng tôn với chiều cao tính từ mái nhà từ 7m đến 15m, không có hệ thống xử lý để giảm thiểu hạn chế lượng khói, bụi phát sinh ra môi trường xung quanh.

2. Tình hình và kết quả thực hiện công tác bảo vệ môi trường

2.1. Ban hành các văn bản hướng dẫn, quy chế, chỉ đạo điều hành và tuyên truyền, giáo dục về bảo vệ môi trường.

Trong thời gian qua UBND xã đã ban hành các Văn bản nhằm thực hiện tốt công tác bảo vệ trên địa bàn, cụ thể:

- Kế hoạch số 27/KH-UBND ngày 22/8/2025 của UBND xã Về việc ra quân thu gom rác thải, bảo vệ, giữ gìn vệ sinh môi trường, hưởng ứng Lễ kỷ niệm 80 năm Cách mạng Tháng 8 và Quốc khánh 2/9;

- Công văn số 525/UBND-KT ngày 16/11/2025 của UBND xã Về việc tuyên truyền nâng cao ý thức trách nhiệm bảo vệ môi trường và xử lý vi phạm về bảo vệ môi trường;

- Công văn số 583/UBND-KT ngày 28/10/2025 Về việc đề nghị xử lý rác thải sinh hoạt tại thôn Đắc Thủy, xã Thuận An;

- Công văn số 605/UBND-KT ngày 3/11/2025 của UBND xã Về việc đề nghị xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;

2.2. Tổ chức thực hiện các quy định pháp luật, kết quả thanh tra, kiểm tra, thủ tục hành chính về bảo vệ môi trường.

Trước ngày 1/7/2025, UBND xã kiểm tra giám sát cùng với các kế hoạch, chương trình kiểm tra của UBND huyện và UBND tỉnh Đắk Nông (cũ). Sau ngày 1/7/2025, UBND xã đã tổ chức kiểm tra 02 trường hợp trang trại chăn nuôi, đã nhắc nhở, chấn chỉnh một số nội dung về bảo vệ môi trường như: Nâng cấp, cải tạo kho chứa CTNH, nâng cấp hệ thống xử lý nước thải, tăng cường biện pháp xử lý, giảm thiểu mùi hôi...

2.3. Tuyên truyền, giáo dục về bảo vệ môi trường

UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 27/KH-UBND ngày 22/8/2025 của UBND xã Về việc ra quân thu gom rác thải, bảo vệ, giữ gìn vệ sinh môi trường, hưởng ứng

Lễ kỷ niệm 80 năm Cách mạng Tháng 8 và Quốc khánh 2/9; Công văn số 525/UBND-KT ngày 16/11/2025 của UBND xã Về việc tuyên truyền nâng cao ý thức trách nhiệm bảo vệ môi trường và xử lý vi phạm về bảo vệ môi trường; đồng thời lồng ghép các nội dung tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức, ý thức, trách nhiệm về bảo vệ môi trường của cộng đồng, tuyên truyền các hoạt động phân loại chất thải tại nguồn, giảm thiểu phát sinh chất thải, tăng cường tái sử dụng, tái chế chất thải; từ chối sử dụng sản phẩm nhựa sử dụng một lần và túi nilon khó phân hủy; khuyến khích phát triển, sử dụng các sản phẩm thay thế thân thiện với môi trường.

2.4. Kiểm soát nguồn ô nhiễm

- Hiện nay, trên địa bàn xã không có làng nghề, chưa có hệ thống xử lý nước thải tập trung tại khu vực đô thị và nông thôn;

- Danh mục các cụm công nghiệp (viết tắt là CCN)

Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo

2.5. Công tác quản lý chất thải và phế liệu

2.5.1. Quản lý chất thải rắn sinh hoạt

- Tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt (CTRSH) phát sinh trên địa bàn khoảng 20 tấn/ngày.đêm, tương đương 7.200 tấn/năm. Khối lượng chất thải rắn được thu gom và xử lý tại bãi rác khoảng 5.760 tấn, số còn lại được người dân tự xử lý bằng chôn lấp hoặc đốt.

- Cơ sở hạ tầng xử lý CTRSH: Trên địa bàn xã hiện nay chỉ có 01 bãi rác diện tích khoảng 3 ha, vị trí bãi rác thuộc thôn Đắc Thủy, xã Thuận An (xã Đắc Lao cũ), bãi rác này là địa điểm tập kết rác của xã Thuận An và các xã lân cận (thuộc khu vực huyện Đắc Mil cũ). Do quy mô bãi rác nhỏ, lại là điểm tập kết rác thải của nhiều xã (nhiều đơn vị đổ thải) nên dẫn đến tình trạng quá tải đã kéo dài từ khi còn cấp huyện. Số lượng rác thải quá lớn, gây khó khăn trong quá trình thu gom, vận chuyển, xử lý cũng như công tác quản lý các đơn vị, phương tiện đổ rác chưa đúng nơi quy định.

- Công tác thu gom, vận chuyển CTRSH của các hộ dân trên địa bàn xã được giao cho Công ty TNHH Xây dựng Nghĩa Hà thực hiện theo hình thức Công ty ký hợp đồng thu gom, vận chuyển với các hộ dân theo đơn giá quy định. Công ty TNHH Xây dựng Nghĩa Hà là đơn vị có đủ năng lực về máy móc thiết bị, nhân lực để thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải. Nguồn kinh phí thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt được Công ty thu hoàn toàn từ các hộ dân. Bên cạnh đó công tác thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH tại các điểm tập kết rác thải tự phát, các khu vực công cộng trên địa bàn xã được bố trí từ nguồn kinh phí Sự nghiệp môi trường hàng năm.

2.5.2. Quản lý chất thải nguy hại

- Chất thải nguy hại (CTNH) trên địa bàn xã gồm các loại chất thải như: Chất thải y tế tại Trung tâm y tế khu vực Đăk Mil, Trạm y tế xã, các cơ sở khám chữa bệnh trên địa bàn xã.

- Các cơ sở thu gom, vận chuyển, xử lý CTNH: Trên địa bàn xã hiện chưa có đơn vị đủ năng lực thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH. Riêng chất thải rắn y tế thì Trung tâm y tế khu vực Đăk Mil có 01 lò đốt phục vụ công tác xử lý chất thải y tế của Trạm y tế xã và các cơ sở khám chữa bệnh trên địa bàn. Đối với các loại CTNH khác thì các chủ cơ sở liên hệ ký kết hợp đồng với các đơn vị có năng lực để thu gom và xử lý đúng quy định.

2.5.3. Quản lý phế liệu, phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất.

Trên địa bàn xã hiện nay không có cơ sở nhập khẩu phế liệu, chỉ có một số cơ sở thu gom phế liệu tái chế nhỏ lẻ, hoạt động sản xuất phế liệu tái chế trên địa bàn là chưa có. Các cơ sở thu mua phế liệu này chủ yếu thu gom tái sử dụng phế liệu về mặt môi trường thì đây là hoạt động tích cực về bảo vệ môi trường. Bên cạnh đó Phòng Kinh tế xã cũng tăng cường công tác quản lý thu gom phế liệu tái chế đảm bảo đúng quy định, tăng cường công tác hướng dẫn phân loại rác tại nguồn.

2.5.4. Quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường.

Hiện nay chưa có số liệu thống kê về khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường (CTRCNTT) phát sinh; khối lượng CTRCNTT được thu gom tái sử dụng, tái chế; khối lượng CTRCNTT được tiêu hủy, đốt, chôn lấp... Vì trên địa bàn hiện nay chỉ có 01 Cụm công nghiệp, trong đó chỉ có 17 Doanh nghiệp hoạt động, ngoài ra trên địa bàn xã có một số cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp nhỏ lẻ, không thường xuyên nên công tác theo dõi, tổng hợp số liệu về CTRCNTT của các cơ sở chưa được thực hiện tốt và cập nhật báo cáo thường xuyên theo quy định.

2.6. Quản lý ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường.

2.6.1. Quản lý, cải thiện chất lượng môi trường nước.

Theo kết quả quan trắc môi trường nước của tỉnh Lâm Đồng năm 2025 thì cơ bản hầu hết các chỉ tiêu phân tích đều đạt giới hạn cho phép và không có sự biến động nhiều. Chưa có dấu hiệu tồn lưu hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật.

Công tác quản lý chất lượng môi trường nước cũng được các cấp, các ngành quan tâm, chú trọng. UBND tỉnh đã phê duyệt danh mục các nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ nguồn nước và việc triển khai thực hiện, ban hành Kế hoạch cấm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước; về việc phân bổ kinh phí cấm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn. UBND xã Thuận An cũng chỉ đạo sâu sát các cơ quan, đơn vị liên quan thường xuyên giám sát các cơ sở sản xuất kinh doanh có hoạt động xả nước thải trên địa bàn đảm bảo chất lượng nguồn nước trong ngưỡng cho phép.

2.6.2. Quản lý ô nhiễm, cải tạo, phục hồi môi trường đất.

Theo kết quả quan trắc môi trường đất trên địa bàn tỉnh năm 2025, đất trên địa bàn xã Thuận An có chất lượng tương đối tốt, chưa có dấu hiệu ô nhiễm, phù hợp để phát triển nhiều mục đích. Ngoài ra theo kết quả quan trắc môi trường đất của tỉnh; kết quả quan trắc môi trường định kỳ của các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn xã, không có điểm ô nhiễm môi trường do hóa chất BVTN tồn lưu, cũng như chưa phát hiện khu vực chứa hóa chất, các chất có độc tố mạnh, chất ô nhiễm tồn lưu.

2.6.3. Quản lý ô nhiễm không khí, bụi, tiếng ồn

Kết quả quan trắc chất lượng môi trường không khí (vị trí gần Cụm CN Thuận An) cho thấy mức độ ô nhiễm bụi và khí độc hại vẫn nằm trong giới hạn cho phép, không có hiện tượng ô nhiễm cấp tính hoặc sự cố nghiêm trọng xảy ra.

2.7. Phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

- Đối với các nguồn thải, nguồn có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao đặc biệt là các nguồn thải từ sản xuất công nghiệp, chăn nuôi trang trại tập trung quy mô lớn được giám sát chặt chẽ. Các cơ sở đều tuân thủ quy định như lập hồ sơ môi trường, xây dựng hệ thống xử lý nước thải, xây dựng các công trình bảo vệ môi trường...

- Số lượng các sự cố môi trường và việc ứng phó, xử lý: Trong năm 2025 trên địa bàn xã là không xảy ra sự cố.

3. Điều kiện và nguồn lực bảo vệ môi trường

- Nguồn nhân lực: Số lượng cán bộ, công chức, viên chức phụ trách công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn: Gồm 02 cán bộ phụ trách lĩnh vực môi trường, gồm 01 lãnh đạo cấp phòng và 01 chuyên viên. Ngoài ra tại Cụm công nghiệp Thuận An cũng bố trí 01 cán bộ có trình độ chuyên môn về môi trường phụ trách quản lý lĩnh vực bảo vệ môi trường trong Cụm Công nghiệp.

- Nguồn lực tài chính sử dụng vào mục đích bảo vệ môi trường: Chủ yếu từ nguồn Sự nghiệp môi trường hàng năm. Ngoài ra còn có các nguồn kinh phí xã hội hóa, nguồn kinh phí nhân dân tự đóng góp.

4. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu thống kê về môi trường

Công tác quản lý môi trường trên địa bàn xã đã được triển khai các hoạt động thiết thực nhằm từng bước khắc phục, giải quyết các vấn đề cấp bách đang diễn ra như: Tăng cường công tác quản lý trong hoạt động khai thác khoáng sản gắn liền với bảo vệ môi trường, các chủ mỏ khai thác khoáng sản phải thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động môi trường và ký quỹ phục hồi môi trường; Chất thải y tế của trạm y tế, các cơ sở khám chữa bệnh trên địa bàn xã được thu gom, xử lý, việc xử lý chất thải phát sinh được đảm bảo, chưa xảy ra tình trạng quá tải.

Thực hiện xã hội hóa kết hợp với đầu tư của ngân sách Nhà nước trong công tác thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn; khói bụi và nước thải của các nhà máy, các cơ sở sản xuất, chế biến thường xuyên được kiểm tra, kiểm soát, yêu

cầu chủ cơ sở khắc phục hệ thống, thay đổi công nghệ, giảm thiểu các yếu tố ảnh hưởng xấu đến môi trường.

Những kết quả bước đầu đã đạt được đã thể hiện sự quan tâm chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp, nhận thức của doanh nghiệp và nhân dân trong công tác bảo vệ môi trường nhằm mục tiêu phát triển bền vững của địa phương, chăm lo chất lượng đời sống của nhân dân và tạo môi trường thuận lợi cho các doanh nghiệp phát triển. Tình trạng ô nhiễm đất, nước, chất lượng sản phẩm nông nghiệp giảm sút do lạm dụng phân bón hóa học, thuốc bảo vệ thực vật ngày càng trở nên nghiêm trọng, đặc biệt đối với vùng sản xuất nông nghiệp, canh tác cây công nghiệp; Bụi, khí thải từ các hoạt động khai thác khoáng sản, sản xuất công nghiệp, chế biến nông sản vẫn là vấn đề cần quan tâm giải quyết; Vệ sinh môi trường nông thôn chưa được giải quyết tốt, đòi hỏi sự nỗ lực hơn nữa trong công tác quy hoạch, quản lý của các cấp chính quyền và ý thức xây dựng môi trường sống xanh - sạch - đẹp của cộng đồng các khu dân cư.

5. Đánh giá chung về kết quả đạt được, tồn tại, yếu kém, nguyên nhân.

5.1. Kết quả đạt được

* Kết quả đạt được: Tỷ lệ hộ dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 99%; Sử dụng nước sạch đạt 50,1%; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt nông thôn trên địa bàn được thu gom xử lý 80%; Độ che phủ rừng 63,77%.

5.2. Tồn tại, yếu kém và nguyên nhân

5.2.1. Tồn tại, yếu kém.

- Tình trạng khai thác sử dụng tài nguyên chưa thật sự hợp lý, việc lạm dụng thuốc bảo vệ thực vật và phân bón hóa học trong sản xuất nông nghiệp, sơ chế cà phê, nông sản đã tác động xấu đến chất lượng môi trường.

- Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tuy đã được quan tâm đầu tư, nhưng chưa đáp ứng yêu cầu trong xu thế phát triển, chưa nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng của công tác bảo vệ môi trường, chưa có hành động cụ thể trong việc bảo vệ môi trường, hoạt động ở một số nơi còn mang tính hình thức; việc huy động các nguồn lực của xã hội còn hạn chế.

5.2.2. Nguyên nhân tồn tại, yếu kém

- Một số ít cấp ủy, chính quyền, doanh nghiệp và người dân chưa nhận thức đầy đủ về tầm quan trọng trong công tác bảo vệ môi trường.

- Do chi phí đầu tư các công trình xử lý môi trường đòi hỏi chi phí tương đối lớn, nên một số doanh nghiệp, cá nhân bỏ qua hoặc đầu tư hình thức để trốn tránh, chỉ tính đến lợi nhuận trước mắt mà chưa quan tâm đúng mức đến việc bảo vệ môi trường.

- Về vốn ngân sách hàng năm chi cho sự nghiệp môi trường của xã còn thấp trong khi đó nhu cầu đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế - xã

hội, đầu tư trang thiết bị, cơ sở vật chất phục vụ công tác quản lý hàng năm ngày càng cao.

- Đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường quá ít và phải kiêm nhiệm nhiều nhiệm vụ cùng một lúc. Việc thanh tra, kiểm tra chưa được thường xuyên, chỉ mới tổ chức kiểm tra đối với các điểm nóng, điểm có ý kiến phản ánh của người dân.

- Hạ tầng khu xử lý rác thải sinh hoạt chưa được đầu tư đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành. Hiện tại trên địa bàn xã chỉ có 01 bãi rác khoảng 3ha được đầu tư từ năm 2011, hình thức xử lý là chôn lấp, xít khử khuẩn, khử mùi đến nay đã quá tải và không còn đáp ứng được nhu cầu xử lý rác thải.

6. Mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp bảo vệ môi trường thời gian tới.

6.1. Nhiệm vụ trọng tâm

- Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành các cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể về công tác bảo vệ môi trường.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về quy định bảo vệ môi trường đối với các hoạt động sản xuất, kinh doanh, khai thác khoáng sản, chăn nuôi... vào chiều sâu, thiết thực đến từng tổ chức, cá nhân và người dân địa phương. Đổi mới hình thức truyền thông theo hướng tương tác số, trực tuyến mạng xã hội, lồng ghép nội dung bảo vệ môi trường trong chương trình học đường, phong trào “Toàn dân tham gia bảo vệ môi trường”.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các tổ chức, cá nhân chấp hành công tác bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất kinh doanh và dịch vụ.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát công tác thu gom rác thải trên địa bàn xã. Chú trọng đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng xử lý rác thải bằng công nghệ xử lý rác mới, tiên tiến hiệu quả và ít gây ô nhiễm môi trường.

- Khuyến khích nhân dân sử dụng các chế phẩm sinh học, áp dụng rộng rãi chương trình IPM trong sản xuất nông nghiệp, hạn chế sử dụng thuốc bảo vệ thực vật và phân bón hóa học.

- Đảm bảo ngân sách 01% trên tổng chi ngân sách Nhà nước hằng năm cho hoạt động sự nghiệp môi trường.

6.2. Các giải pháp tổ chức thực hiện

- Ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn toàn xã.

- Cấp ủy cơ sở tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo chính quyền địa phương, đơn vị tổ chức tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia bảo vệ môi trường.

- Rà soát, bổ sung quy hoạch khu xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn xã; bố trí quỹ đất sạch để kêu gọi đầu tư dự án Nhà máy xử lý rác.

- Tổ chức tốt các hoạt động dọn vệ sinh, trồng cây xanh tại các cơ quan, đơn vị, trường học trong toàn xã.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1) Tổ chức tập huấn cho cán bộ quản lý tài nguyên và môi trường cấp xã được tham gia Hội nghị tập huấn chuyên môn, tăng cường học hỏi nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

2) Đề nghị UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường quan tâm, sớm đầu tư triển khai xây dựng dự án nhà máy xử lý rác thải tập trung cho xã Thuận An và khu vực.

Trên đây là công tác bảo vệ môi trường năm 2025 trên địa bàn xã, UBND xã Thuận An báo cáo trình Hội đồng nhân dân xã xem xét./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, PCT.UBND xã;
- Phòng Kinh tế;
- Chánh, PVP/HĐ và UB xã;
- Lưu: VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Nam

Phụ lục I. Các nguồn ô nhiễm

(Kèm theo Báo cáo số: 293/BC-UBND ngày 02/12/2025 của UBND xã Thuận An)

Bảng 1. Xử lý nước thải sinh hoạt

STT	Mật độ dân số (người/km ²)	Lượng nước thải sinh hoạt phát sinh (m ³ /ngày đêm)	Hệ thống xử lý nước thải tập trung (Số lượng: m ³ /ngày đêm)	Nước thải sinh hoạt được xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung		Nước thải sinh hoạt được xử lý tại chỗ theo quy chuẩn kỹ thuật môi trường		Kết quả quan trắc
				Tổng lượng (m ³ /ngày đêm)	Tỷ lệ (%)	Tổng lượng (m ³ /ngày đêm)	Tỷ lệ (%)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)		(6)		(7)
1	71,87	1816	không	0	0	1816	100%	
2								
3								

Bảng 2. Danh mục các cụm công nghiệp (viết tắt là CCN)

TT	Tên CCN đang hoạt động	Địa chỉ	Diện tích (ha)	Tên chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng	Số lượng cơ sở đang hoạt động trong CCN	Tỷ lệ lấp đầy (%)	Hệ thống thu gom nước mưa (có/không)	Xử lý nước thải			Tổng lượng CTR phát sinh			Công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường	Tỷ lệ cây xanh (%)
								Tổng lượng nước thải phát sinh (thực tế) (m ³ /ngđ)	Công suất thiết kế của HTXLNT (m ³ /ngđ)	Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục (ghi rõ thông số)	Sinh hoạt (tấn/năm)	Công nghiệp thông thường (kg/năm)	Nguy hại (kg/năm)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
1	Cụm công nghiệp Thuận An	Xã Thuận An, tỉnh Lâm Đồng	24,9	Trung tâm phát triển Cụm công nghiệp Thuận An	17	96	không	122,5	Chưa có hệ thống XLNT	Chưa có hệ thống quan trắc nước thải	21	13.200	46	Chưa được xây dựng	14,11%

Phụ lục II. Quản lý chất thải và phế liệu

(Kèm theo Báo cáo số: 293/BC-UBND ngày 02/12/2025 của UBND xã Thuận An)

Bảng 1. Tình hình phát sinh, phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt (CTRSH)

TT	Tổng CTRSH phát sinh, thu gom, xử lý (tấn/năm)				CTRSH đô thị phát sinh, thu gom, xử lý (tấn/năm)				CTRSH nông thôn phát sinh, thu gom, xử lý (tấn/năm)			
	Khối lượng phát sinh	Khối lượng thu gom, vận chuyển	Khối lượng CTRSH xử lý	Tỷ lệ xử lý (%)	KL phát sinh	KL thu gom, vận chuyển	Khối lượng CTRSH xử lý	Tỷ lệ xử lý (%)	KL phát sinh	KL thu gom, vận chuyển	Khối lượng CTRSH xử lý	Tỷ lệ xử lý (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
									7.200	5.760	5.760	

Bảng 2. Hiện trạng hạ tầng xử lý chất thải rắn sinh hoạt

I. Cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt

Tên cơ sở kèm theo tên đơn vị quản lý vận hành	Địa chỉ hoạt động	Công suất thiết kế (CSTK), công suất hoạt động thực tế (CSHD) (tấn/năm)														Tình trạng hoạt động		Cải tạo môi trường bãi chôn lấp	
		Chôn lấp hợp vệ sinh		Chôn lấp không hợp vệ sinh		Đốt thu hồi năng lượng		Đốt không thu hồi năng lượn g		Sản xuất mùn/ phân hữu cơ		Xử lý chất thải công kênh		Xử lý bằng phương pháp khác		Đang hoạt động	Dừng hoạt động (ghi rõ năm d ừng hoạt động)	Đã đóng của bãi chôn lấp theo quy định (ghi rõ năm hoàn thàn h việc đóng bãi chôn lấp)	Chư a đóng của bãi chôn lấp theo quy định (ghi rõ kế hoạch h thực hiện)
		CST K	CSH Đ	CSTK	CSHD	CST K	CS HD	CS TK	CSH Đ	CST K	CSH Đ	CST K	CSH Đ	CST K	CSH Đ				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
Bãi rác thôn Đắc	Thôn			20.000	25.000											X			

Thủy – UBND xã Thuận An	Đắc Thủy, xã Thuận An																		
----------------------------	--------------------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Bảng 3. Tỷ lệ khu, bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt hợp vệ sinh, không hợp vệ sinh

TT	Tổng số khu, bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt đang hoạt động hợp vệ sinh (khu/bãi)					Tổng số khu, bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt đang hoạt động không hợp vệ sinh (khu/bãi)					Tỷ lệ khu, bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt hợp vệ sinh (%)	Tỷ lệ khu, bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt không hợp vệ sinh (%)
	Tổng số	Chia theo quy mô bãi chôn lấp				Tổng số	Chia theo quy mô bãi chôn lấp					
		Nhỏ (<10 ha)	Vừa (10 - <30 ha)	Lớn (30 - <50 ha)	Rất lớn (≥ 50ha)		Nhỏ (<10 ha)	Vừa (10- <30 ha)	Lớn (30- <50 ha)	Rất lớn (≥50ha)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1						1	1					100%

Bảng 4. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý bằng phương pháp chôn lấp trực tiếp

TT	Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh (tấn/năm)			Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt được xử lý bằng phương pháp chôn lấp trực tiếp (tấn/năm)			Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý bằng phương pháp chôn lấp trực tiếp (%)
	Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
		Đô thị	Nông thôn		Đô thị	Nông thôn	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	7.200		7.200			7.200	100%

